

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thay;

Bà Trần Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 782/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 10, ấp Đ, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Việt T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 10, ấp Đ, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Chị với anh Lê Việt T sống chung với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An ngày 31-7-2009, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống chung đến năm 2016, giữa chị và anh T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng về tài chính trong gia đình, anh T không cùng chị chăm lo các con nên thường xuyên xảy ra gây gổ với nhau. Hiện nay vợ chồng còn sống chung nhà nhưng vợ chồng không ai quan tâm ai từ tháng 6-2019 và kéo dài cho đến nay không thể hàn gắn được,

do đó nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh T nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 04-4-2009 và Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 22-12-2011, hiện các con chung đang sống chung nhà với chị và anh T. Nếu ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 09-3-2020, bị đơn anh Lê Việt T có ý kiến:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn; anh thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân từ vấn đề tài chính của gia đình, anh cũng thừa nhận không cùng chị M chăm lo cho các con và thường xuyên uống rượu nên vợ chồng mới xảy ra gây gổ với nhau không thể hàn gắn được cho đến nay. Tuy nhiên, anh còn quan tâm và thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị M. Chị M cho rằng vợ chồng không còn quan tâm nhau từ tháng 6-2019 là không đúng, vì anh thường đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có về thăm vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung họ tên, ngày tháng năm sinh như chị M trình bày, hiện các con chung đang sống chung nhà với anh, chị. Nếu phải ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị M và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay không thể hàn gắn được nên chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị M và anh Tân có 02 người con tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 04-4-2009 và Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 22-12-2011, trong quá trình giải quyết vụ án chị M có yêu cầu nuôi 02 con chung, anh Tân cho rằng nếu ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Mặt khác, cháu D và cháu L cùng có nguyện vọng muốn sống với chị M nên giao cháu D và cháu L cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M, anh T không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

Do đó căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M đối với anh Lê Việt T.

+ Về nuôi con chung: Giao con tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 04-4-2009 và Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 22-12-2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh Tân có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) 02 con chung cùng với chị.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị M, anh Tân không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Việt T là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Việt T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn với chị M với lý do anh vẫn còn tình cảm và quan tâm đến vợ con muốn đoàn tụ nhưng chị M không đồng ý. Tuy nhiên, tại biên bản lấy khai (bút lục số 20) anh Lê Việt T đã thừa nhận “Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân từ vấn đề tài chính của gia đình, anh cũng thừa nhận không cùng chị M chăm lo cho các con và thường xuyên uống rượu nên vợ chồng mới xảy ra gây gổ với nhau, không thể hàn gắn được cho đến nay”. Việc anh T thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn với chị M từ năm 2016 đến nay không hàn gắn được là chứng cứ không phải chứng minh, được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi

phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nuôi con chung: Chị M và anh Tân có 02 người con tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 04-4-2009 và Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 22-12-2011. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Tân đồng ý giao 02 con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng nếu phải ly hôn; theo biên bản lấy ý kiến của cháu D và cháu L thì 02 cháu cùng có nguyện vọng muốn sống với chị M. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con chung nên cần giao con chung tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 04-4-2009 và Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 22-12-2011 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) 02 con chung cùng với chị.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị M, anh T không yêu cầu giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Việt T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 04-4-2009 và Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 22-12-2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) 02 con chung cùng với chị.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị M và anh Tân không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000130 ngày

09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Lê Việt T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc